

DECEMBER 2022

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN *REGULATIONS ON INFORMATION DISCLOSURE*

Ban hành kèm theo Quyết định Số 22.055/JSI-QĐ ngày 28/12/2022 của Chủ tịch Công ty
Issued with Decision No. 22.055/JSI-QĐ dated 28th December 2022 of the President

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN (JSI)
www.japan-sec.vn

Version 2203

**CÔNG TY TNHH
CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
JAPAN SECURITIES CO., LTD.**
---o0o---

Số / No.: 22.055/JSI-QĐ
V/v: Ban hành quy chế công bố thông tin
Ref: Issue regulations on information disclosure

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom - Happiness
---o0o---

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2022
Hanoi, December 28th 2022

**CHỦ TỊCH CÔNG TY
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
THE PRESIDENT
JAPAN SECURITIES CO., LTD.**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành của nước CHXHCN Việt Nam;
Pursuant to the Enterprise Law, the Securities Law and the relevant implementation guidelines of the National Assembly of Vietnam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản;
Pursuant to the Company charter of Japan Securities Co., Ltd;
- Xét đề xuất của phòng Hành chính Nhân sự;
Pursuant to the proposal of HR&Admin department;
- Căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế tại công ty.
Pursuant to the Company's business.

**QUYẾT ĐỊNH
DECIDES**

Điều 1. Ban hành quy chế công bố thông tin tại Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản.
Article 1. To issue the regulations on information disclosure in Japan Securities Co., Ltd.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và các phòng/ban/bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.
Article 2. This Decision takes effect from the date of signing and relating offices/departments take responsibilities to perform this Decision.

Nơi nhận / Receipt:

- Như Điều 2 / As Article 2
- Lưu văn phòng / HR&Admin



TSUYOSHI IMAI

THEO DÕI PHÁT HÀNH

ISSUANCE TRACKING

Ban hành / Sửa đổi <i>Issuance / Amendment</i>	Ngày <i>Date</i>	Tóm tắt nội dung sửa đổi <i>Main contents</i>	
01	25/12/2018	Phát hành lần thứ nhất / <i>First issue</i>	
02	30/09/2021	Sửa đổi lần thứ nhất / <i>First amend</i>	
03	28/12/2022	Sửa đổi lần thứ hai / <i>Second amend</i>	
	Người biên soạn <i>Prepared by</i>	Người kiểm tra <i>Checked by</i>	Người phê duyệt <i>Approved by</i>
Họ tên / <i>Fullname</i>	Lê Thị Hồng Thúy	Nguyễn Thị Thu Trang	Tsuyoshi Imai
Chức vụ / <i>Position</i>	Người được ủy quyền CBTT <i>Authorized person to make information disclosure</i>	Phó Tổng giám đốc <i>The Senior Executive Officer</i>	Chủ tịch Công ty <i>The President</i>
Chữ ký / <i>Signature</i>			
Thành phần tham gia xem xét góp ý / <i>Commented by:</i>			
Họ tên / <i>Fullname</i>	Tomonori Tsuchiya	Bùi Thị Hòa	Trương Thị Thu Hồng
Chức vụ / <i>Position</i>	Phó Tổng giám đốc <i>The Senior Executive Officer</i>	Trưởng phòng GSTT Phụ trách bộ phận KSNB <i>Head of Compliance office PIC of Internal control</i>	Phụ trách QTRR <i>PIC of Risk management</i>
Chữ ký / <i>Signature</i>			

MỤC LỤC

TABLE OF CONTENT

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	3
<i>Article 1. Scope.....</i>	3
Điều 2. Đối tượng áp dụng	3
<i>Article 2. Regulated entities</i>	3
Điều 3. Các chữ viết tắt	4
<i>Article 3. Abbreviation</i>	4
Điều 4. Giải thích từ ngữ	4
<i>Article 4. Definitions</i>	4
Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin.....	6
<i>Article 5. Information disclosure rules.....</i>	6
Điều 6. Chế độ công bố thông tin.....	7
<i>Article 6. Information disclosure regime</i>	7
Điều 7. Phương tiện công bố thông tin.....	7
<i>Article 7. Means of information disclosure</i>	7
Điều 8. Lưu đồ thực hiện.....	8
<i>Article 8. Process</i>	8
Điều 9. Tạm hoãn công bố thông tin	9
<i>Article 9. Postponement of information disclosure</i>	9
Điều 10. Trách nhiệm của Người công bố thông tin	9
<i>Article 10. Responsibilities of Information Disclosures.....</i>	9
Điều 11. Trách nhiệm cung cấp thông tin của các thành phần liên quan	9
<i>Article 11. Responsibility to provide information of relevant parties</i>	9
Điều 12. Xử lý vi phạm về công bố thông tin	10
<i>Article 12. Handling of violations of information disclosure.....</i>	10
Điều 13. Hiệu lực Quy chế	10
<i>Article 13. Effect of Regulations.....</i>	10
PHỤ LỤC I: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	11
<i>APPENDIX I: REPORT AND INFORMATION DISCLOSURE REGIME</i>	11

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

REGULATIONS ON INFORMATION DISCLOSURE

CĂN CỨ

REFERENCES

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
Enterprise Law No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Law on Securities 54/2019/QH14 dated November 26, 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
Decree No. 155/2020/NĐ-CP dated December 31, 2020 detailing the implementation of a number of articles of the Law on Securities;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
Circular No. 96/2020/TT-BTC date November 16, 2020 guiding information disclosure on the stock market;
- Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016;
Circular No. 210/2014/TT-BTC dated December 30, 2014 providing guidance on accounting applicable to securities companies and Circular amending, supplementing and replacing No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016;
- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 ban hành quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con;
Decision No. 21/QĐ-SGDVN dated December 21, 2021 promulgating the regulation on information disclosure at the Vietnam Stock Exchange and its subsidiaries;
- Điều lệ Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản.
The Company charter of Japan Securities Co., Ltd.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Article 1. Scope

Quy chế này quy định về chế độ công bố thông tin của Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản trên thị trường chứng khoán Việt Nam; đồng thời, quy định về việc phối hợp quan hệ công việc giữa các bộ phận, phòng ban trong Công ty, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

This regulation stipulates on disclosure of information regime of Japan Securities Co., Ltd. on Vietnam's securities market, as well as regulations on the coordination of working relationships between departments, offices within the Company, individuals of the Company and other subjects in the performance of information disclosure obligations.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Article 2. Regulated entities

1. Người công bố thông tin;
Person in charge of information disclosure;

2. Các bộ phận, phòng ban liên quan gồm: Hành chính Nhân sự, Kế toán, Môi giới và Giao dịch, Công nghệ Thông tin, Ban điều hành;
The relevant departments and offices include: HR&Admin, Accounting, Trading, IT, Executive Board, the company administrator;
3. Người nội bộ, người có liên quan của Công ty.
Internal actors and related people of the Company.

Điều 3. Các chữ viết tắt

Article 3. Abbreviation

1. Công ty (JSI) : Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản
Company (JSI): Japan Securities Co., Ltd.
2. UBCKNN : Ủy ban chứng khoán nhà nước
SSC : State Securities Commission
3. VNX : Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
VNX : Vietnam Stock Exchange
4. VSD : Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
VSD : Vietnam Securities Depository
5. CBTT : Công bố thông tin
CBTT : Information disclosure
6. SCMS : Hệ thống quản lý công ty chứng khoán của UBCKNN
SCMS : Securities company management system of SSC
7. CIMS : Hệ thống quản lý công ty chứng khoán của VNX
CIMS : Securities company management system of VNX
8. NHNN : Ngân hàng nhà nước
NHNN : State bank
9. UBGSTC : Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia
NFSC : National Financial Supervisory Commission
10. FMSIS : Hệ thống quản lý công ty chứng khoán của UBGSTC
FMSIS : Securities company management system of NFSC

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Article 4. Definitions

1. Người nội bộ là:
Internal actors:
 - a) Chủ tịch Công ty;
The President;
 - b) Người diện theo pháp luật;
Legal representative;
 - c) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc các chức danh quản lý tương đương do Chủ tịch Công ty bổ nhiệm; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty;
CEO, SEO or equivalent managerial positions appointed by the President; individuals holding other managerial positions have the authority to sign transactions on behalf of the company in accordance with the Company's Charter;
 - d) Kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán;
Chief accountant or person in charge of accounting;

- e) Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin.
Legal representative, authorized person to make information disclosure.
2. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 7 của Quy chế này.
Information disclosure date is the date the information appears on one of the information disclosure media specified in Article 7 of this Regulation.
3. Đối với tài liệu dưới dạng văn bản: Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ.
Information in form of hard copies: Valid documents are originals or valid copies.
Yêu cầu của văn bản hợp lệ:
Requirement for valid hard copies:
- a) Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.
For documents of individuals: A document with full name and signature of the individual.
- b) Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).
For documents of organizations: A document certified by a competent person, including full name, position, signature of the competent person and stamped (if any).
4. Dữ liệu điện tử dùng CBTT là dữ liệu có định dạng word/excel/pdf.
Digital information to be disclosed is in the format of word/excel/pdf.
5. Người CBTT là người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền CBTT. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin;
Person in charge of information disclosure is the legal representative of Company or authorized person in information disclosure. In case information needs to be disclosed but both the legal representative and attorney-in-fact are absent, the member holding the highest position of the Board of Executives shall take charge of information disclosure. If two or more members holding the same highest position, other members of the Board of Executives shall elect or appoint a member to take charge of information disclosure;
6. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty theo quy định tại Luật doanh nghiệp.
Related person is an individual or organization having a direct or indirect relationship with the Company as prescribed in the Law on Enterprises.
7. Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam là công ty mẹ của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản là thành viên giao dịch nên chỉ thực hiện công bố thông tin đến Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam theo Điểm b Khoản 2 Điều 3 của Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con.
Vietnam Stock Exchange is the parent company of Hanoi Stock Exchange and Ho Chi Minh Stock Exchange. Japan Securities Co., Ltd. is a trading member, so it only discloses information to the Vietnam Stock Exchange in accordance with Point b, Clause 2, Article 3 of the Regulation on information disclosure at the Vietnam Stock Exchange and its subsidiaries.

Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin

Article 5. Information disclosure rules

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

Information disclosed must be adequate, accurate and timely. An individual's personal information, including citizen identity card, ID card, military ID card, unexpired passport, contact address, permanent address, telephone number, fax number, email, number of securities trading account, number of securities depository account, number of bank account, and trading code of foreign investor or business entity of which over 50% of charter capital is held by foreign entities, shall be disclosed if agreed by that individual.

2. Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;
Each disclosing entity shall bear responsibility for the disclosed information. If there are changes in the disclosed information, the disclosing entities must disclose the changed contents and reasons for the changes;

3. Các đối tượng quy định tại Điều 2 Quy chế này khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam thực hiện công khai thông tin.
When disclosing information, the disclosing entities mentioned in Article 2 of this Regulation shall simultaneously send reports on information disclosure, including adequate information as prescribed, to SSC and VNX. In case the information disclosed includes the personal information mentioned in Clause 1 of this Article and the disclosing entity refuses to disclose the personal information, 02 documents, including a document containing adequate personal information and other that does not contain such personal information, shall be sent to the SSC and the VNX for publishing.

4. Việc công bố thông tin của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.
An organization's information shall be disclosed by its legal representative or attorney-in-fact. An individual's personal information shall be disclosed by himself/herself or his/her attorney-in-fact.

5. Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:

The disclosing entities must archive disclosed and reported information as follows:

- a) Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;

The regular disclosed information shall be archived in the form of hard copies (if any) and electronic data for at least 10 years. Such information must be archived on the website of the discloser for at least 5 years;

- b) Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin trong tối thiểu 05 năm.

The irregular disclosed information or the disclosed information on request shall be archived on the website of the disclosing entities for at least 5 years.

6. Ngôn ngữ thông tin công bố là tiếng Việt.

The language of disclosed information must be Vietnamese.

Điều 6. Chế độ công bố thông tin

Article 6. Information disclosure regime

Công ty thực hiện chế độ công bố thông tin theo Phụ lục I đính kèm Quy chế này.

The Company implements the information disclosure regime according to Appendix I attached to this Regulation.

Điều 7. Phương tiện công bố thông tin

Article 7. Means of information disclosure

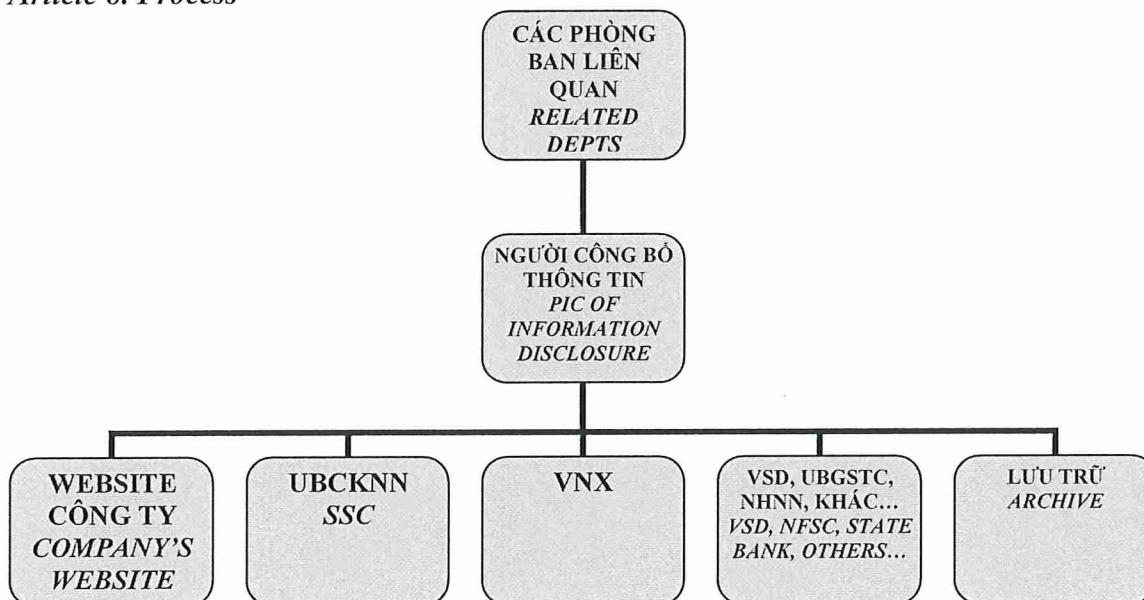
STT No.	Đối tượng tiếp nhận CBTT <i>Subjects receiving information disclosure</i>	Phương tiện CBTT <i>Means of information disclosure</i>
1	Công ty, khách hàng, nhà đầu tư... <i>Company, customers, investors etc.</i>	Mục Công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty. <i>The Information disclosure section on the Company's website.</i>
2	Ủy ban chứng khoán nhà nước <i>State Securities Commission</i>	Hệ thống SCMS, email của cán bộ phụ trách <i>SCMS system, email of an officer in charge of managing the Company</i>
3	Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam <i>Vietnam Stock Exchange</i>	Hệ thống CIMS <i>CIMS system</i>
4	Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia <i>National Financial Supervisory Commission</i>	Hệ thống FMSIS <i>FMSIS system</i>
5	Các đối tượng khác theo quy định của pháp luật <i>Other subjects as prescribed by law</i>	

Phương tiện CBTT sẽ tự động được cập nhật trong trường hợp Cơ quan quản lý thay đổi phương tiện CBTT mà không cần điều chỉnh Quy chế này.

The means of information disclosure are automatically adjusted in case the Management authorities change the means of information disclosure without any adjustment of this regulation.

Điều 8. Lưu đồ thực hiện

Article 8. Process



1. **Bước 1:** Khi phát sinh các thông tin phải công bố theo quy định, các phòng ban liên quan thực hiện lập báo cáo, chuẩn bị tài liệu về các vấn đề, sự kiện cần CBTT liên quan đến phòng ban mình và gửi đến Người CBTT theo thời gian quy định cho từng loại thông tin cần công bố.

Step 1: When the information that must be disclosed according to regulations arises, relevant departments make reports and prepare related documents on that issues and events and send them to PIC of information disclosure within the prescribed time for each type of information to be disclosed.

2. **Bước 2:** Người CBTT sau khi nhận được thông tin, tài liệu do các phòng ban liên quan cung cấp thực hiện kiểm tra thông tin, đối chiếu với các quy định về CBTT, soạn thảo văn bản CBTT theo quy định của pháp luật.

Step 2: After receiving information and documents provided by relevant departments, PIC of information disclosure compares it with regulations on information disclosure, and make information disclosure letter in accordance with the law.

3. **Bước 3:** Người CBTT trình Ban Giám đốc Công ty phê duyệt nội dung CBTT. Sau khi nội dung CBTT được Ban Giám đốc Công ty thông qua, Người CBTT gửi CBTT đến UBCKNN, VNX, và các cơ quan khác (nếu có); đồng thời đăng tin lên Website công ty và lưu trữ hồ sơ (bản cứng). Phương tiện CBTT được thể hiện chi tiết tại Điều 7 Quy chế này.

Step 3: The PIC of information disclosure submits to the Board of Directors for approval the content of information disclosure documents. After the content of information disclosure is approved by the Board of Directors, the PIC of information disclosure shall

send the documents to SSC, VNX, and other authorities (if any); At the same time, post information on the company's website and keep records (hard copy). The means of information disclosure are detailed in Article 7 of this Regulation.

Điều 9. Tạm hoãn công bố thông tin

Article 9. Postponement of information disclosure

1. Công ty được tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh...

The company is entitled to suspend information disclosure in case of force majeure such as natural disaster, fire, epidemic...

2. Công ty phải báo cáo tới UBCKNN, VNX và các cơ quan quản lý liên quan về việc tạm hoãn CBTT ngay khi sự kiện xảy ra trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT, đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.

The company must report to SSC, VNX and relevant authorities about the postponement of information disclosure right after the event occurs, clearly stating the reason for the postponement of information disclosure, and at the same time disclose the postponement.

3. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, công ty có trách nhiệm CBTT đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định của pháp luật.

Right after the force majeure situation has been overcome, the subject of information disclosure is responsible for fully disclosing information that has not been previously disclosed as prescribed by law.

Điều 10. Trách nhiệm của Người công bố thông tin

Article 10. Responsibilities of Information Disclosures

1. Người CBTT là đầu mối thu thập thông tin và thực hiện nghĩa vụ CBTT của Công ty theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

The PIC of information disclosure is the focal point to collect information and perform the Company's information disclosure obligations in accordance with the law and this Regulation.

2. Người CBTT cần đáp ứng các yêu cầu được quy định theo luật định.

The PIC of information disclosure needs to satisfy the requirements of the laws.

3. Người CBTT trong phạm vi chức năng của mình có trách nhiệm đôn đốc các thành phần liên quan cung cấp thông tin theo nội dung Quy chế này.

The PIC of information disclosure within the scope of their functions has responsibility to urge relevant parties to provide information according to the content of this Regulation.

Điều 11. Trách nhiệm cung cấp thông tin của các thành phần liên quan

Article 11. Responsibility to provide information of relevant parties

1. Trưởng phòng ban liên quan chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho Người CBTT.

The heads of the relevant departments/offices are responsible for the accuracy and timeliness of the information provided to the PIC of information disclosure.

2. Các phòng ban liên quan có trách nhiệm phối hợp với Người CBTT đảm bảo quy trình CBTT được thực hiện theo đúng quy định.

The relevant departments/offices are responsible for coordinating with the PIC of information disclosure to ensure that the information disclosure process is carried out in accordance with regulations.

Điều 12. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

Article 12. Handling of violations of information disclosure

1. Các đối tượng được quy định tại Điều 2 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật về CBTT thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; Nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

The subjects specified in Article 2 of this Regulation that violate the provisions of this Regulation or the provisions of the law on information disclosure shall, depending on the nature and seriousness of their violations, be punished, disciplined, administratively sanctioned or examined for penal liability; If causing damage, they must compensate according to the provisions of law.

2. Tổng Giám đốc có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của mình đối với các trường hợp vi phạm về CBTT.

Company's CEO has the right to propose forms of handling violations in accordance with his functions and rights for violations of information disclosure.

3. Trường hợp vượt quá thẩm quyền của Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc sẽ báo cáo Chủ tịch Công ty xử lý vi phạm theo quy định.

In case of exceeding the authority of the Company's CEO, CEO will report to the President to handle violations according to regulations.

Điều 13. Hiệu lực Quy chế

Article 13. Effect of Regulations

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được ban hành.

This Regulation takes effect from the date of issue.

2. Nếu có sự mâu thuẫn giữa các quy định trong Quy chế này và quy định pháp luật; hoặc trong trường hợp quy định pháp luật có thay đổi mà Quy chế này chưa kịp thời điều chỉnh, các quy định của pháp luật sẽ được ưu tiên áp dụng.

If there is a conflict between the provisions of this Regulation and the law; or in case there is a change in the law and this Regulation has not been adjusted in time, the provisions of the law shall prevail.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Chủ tịch Công ty quyết định.

The amendment and supplement to this Regulation shall be decided by the President

CHỦ TỊCH CÔNG TY

THE PRESIDENT

TSUYOSHI IMAI

PHỤ LỤC I: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN
APPENDIX I: REPORT AND INFORMATION DISCLOSURE REGIME

STT NO.	NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN INFORMATION DISCLOSURE CONTENT	LUẬT THAM CHIẾU REFERENCE	THỜI ĐIỂM NỘP BÁO CÁO REPORT TIME	NỘI NHẬN VÀ PHƯƠNG TIỆN CBTT RECIPIENT AND MEAN	BỘ PHẬN THỰC HIỆN/TỔNG HỢP PIC
I	ĐỊNH KỲ/REGULAR				
1	THƯỜNG NIÊN/ANNUAL				
1.1	Báo cáo thường niên Annual report	Thông tư 96/2020/TT-BTC Circular 96/2020/TT/BTC	20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Within 20 days from the date of disclosure of its audited annual financial statements and within 110 days from the end of the fiscal year.	- UBCK: SCMS - VNX: CIMS - NFSC: FMSIS	HCNS HR&Admin
1.2	Báo cáo tài chính năm được Kiểm toán Audited annual financial statements	Thông tư 96/2020/TT-BTC Circular 96/2020/TT/BTC	- Không vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính No more than 90 days from the end of the fiscal year - Trong vòng 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo Within 10 days from the date the audit firm signs the report	- UBCK: SCMS - VNX: CIMS - NFSC: FMSIS	Kế toán Accounting Dept

1.3	Báo cáo tỷ lệ An Toàn Tài chính tại ngày 31/12 được kiểm toán <i>Audited report on adequacy ratio as at 31 December</i>	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i>	Không vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính <i>No more than 90 days from the end of the fiscal year</i>	- UBCK: SCMS - VNX: CIMS - NFSC: FMSIS	Kế toán <i>Accounting Dept</i>
1.4	Báo cáo tình hình quản trị Công ty <i>Report on corporate governance</i>	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i>	Trước 31/01 <i>Before 31st January</i>	- UBCK: SCMS - VNX: CIMS	HCNS <i>HR&Admin</i>
2	BÁN NIÊN (6 THÁNG)/SEMI-ANNUAL				
2.1	Báo cáo tỷ lệ An Toàn Tài chính bán niên (soát xét) <i>Audited semi-annual report on adequacy ratio</i>	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i>	Không vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính <i>Not exceeding 45 days from the end of the first 6 months of the fiscal year</i>	- UBCK: SCMS - VNX: CIMS - NFSC: FMSIS	Kế toán <i>Accounting Dept</i>
2.2	Báo cáo tài chính bán niên (soát xét) <i>Reviewed semi-annual interim financial statements</i>	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i>	- Không vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính; <i>Not exceeding 45 days from the end of the first 6 months of the fiscal year</i> - Trong vòng 5 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo <i>Within 5 days from the date the audit firm signs the report</i>	- UBCK: SCMS - VNX: CIMS - NFSC: FMSIS	Kế toán <i>Accounting Dept</i>

2.3	Báo cáo tình hình quản trị Công ty <i>Report on corporate governance</i>	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i>	Trước 31/07 <i>Before 31st July</i>	- UBCK: SCMS - VNX: CIMS	HCNS <i>HR&Admin</i>
3	QUÝ/QUARTER				
3.1	Báo cáo tài chính quý và Giải trình một số nguyên nhân phát sinh <i>Quarterly financial statements and explanations for some arising causes</i>	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i>	20 ngày kể từ ngày kết thúc quý <i>20 days from the end date of each quarter</i>	- UBCK: SCMS - VNX: CIMS - NFSC: FMSIS	Kế toán <i>Accounting Dept</i>
4	KHÁC/OTHERS				
4.1	Hoạt động chào bán và báo cáo sử dụng vốn <i>Offering and report on use of funds</i>	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i>	- Huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư: định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án; hoặc cho đến khi đã giải ngân hết số tiền huy động được <i>Capital mobilization for execution of an investment project: every 6 months from the closing of the offering until the completion of the project; or until full disbursement of the raised funds.</i> - Thay đổi các nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn: trong vòng 10 ngày kể từ khi ra quyết định thay đổi các nội dung này. <i>If there are changes to the plan for use of funds, purposes of the use of funds: within 10 days from the date on which the decision on changes is made</i>	- UBCK: SCMS - VNX: CIMS	HCNS <i>HR&Admin</i>
4.2	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài <i>Foreign ownership ratio</i>	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i> Thông tư 123/2015/TT-BTC <i>Circular 123/2015/TT-BTC</i>		- UBCK: SCMS - VNX: CIMS	HCNS <i>HR&Admin</i>

4.3	Giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau: <i>Explanation for one of the following cases:</i> a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; <i>The profit after enterprise income tax as mentioned in the income statement of the disclosing period increases/decreases by at least 10% compared with the profit after enterprise income tax as disclosed in the same period of the last year;</i> b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; <i>After-tax profit of the period is negative; the net profit margin is changed from positive in the previous period to negative in the current period or vice versa;</i> c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại. <i>After audit or review, after-tax profit of the reporting period varies by at least 5% and is changed from a positive number to a negative number or vice versa.</i>	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i>	Đồng thời cùng BCTC <i>At the same time with Financial statements</i>	- UBCK: SCMS - VNX: CIMS	Kế toán <i>Accounting Dept</i>
II	BẤT THƯỜNG/IRREGULAR				
1	Tài khoản của công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính công ty; <i>The banking accounting of the company is blocked or unblocked after the blockage, unless the company requests the blockage of its banking account;</i>	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i>	24h	- UBCK: SCMS - VNX: CIMS	Môi giới và Giao dịch <i>Trading Dept</i>

2	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động; <i>The company receives a decision from a competent authority or issues a decision on suspension of part or all of its business operation; changes to the enterprise registration information; revocation of the enterprise registration certificate; revision, suspension or revocation of the license for establishment and operation or operating license;</i>	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i>	24h	- UBCK: SCMS - VNX: CIMS HCNS <i>HR&Admin</i>
3	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp; thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty; <i>The decision on enterprise restructuring (total division, partial division, consolidation), enterprise dissolution; change in the name or the seal of the company; change in location, establishment or shutdown of the headquarters, branches or offices; amendments to the Charter, mid-term development strategies or plans and the annual business plan of the company;</i>	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i>	- 24h - Sau khi hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, công bố BCTC sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán. <i>After changing the accounting period, the public company shall disclose the audited financial statement after change as prescribed in law on enterprise accounting within 10 days from the date on which the audit organization signs the auditor's report;</i> - Sau khi chia, tách, sáp nhập, công ty là doanh nghiệp bị chia, bị tách hoặc bị sáp nhập công bố BCTC khi chia tách, sáp nhập doanh nghiệp đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán. <i>After finishing the conversion of the enterprise ownership form, the public company shall disclose the audited financial statement after change as prescribed in law on enterprise accounting within 10 days from the date on which the audit organization signs the auditor's report;</i>	- UBCK: SCMS - VNX: CIMS HCNS <i>HR&Admin</i>

4	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chỉnh sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký; <i>Decisions on change of accounting period, accounting policies (except change of accounting policies due to changes in laws); notification that the audit enterprise has signed the contract for audit of annual financial statements or change of audit enterprise (after having signed the contract); cancellation of the signed audit contract;</i>	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i>	- 24h - Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công bố BCTC khi thay đổi kỳ kế toán đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;	- UBCK: SCMS - VNX: CIMS	Kế toán <i>Accounting Dept</i>
5	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết; <i>Decisions on capital contribution, purchase of stakes in a company that turns that company into a subsidiary or associate company or sale of stakes in a company that makes it is not considered as a subsidiary or associate company or dissolution of that subsidiary or associate company;</i>	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i>	24h	- UBCK: SCMS - VNX: CIMS	HCNS <i>HR&Admin</i>
6	Quyết định của Chủ tịch Công ty thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan; <i>The decision of the President on ratification of a contract/agreement concluded with internal or relevant persons;</i>	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i>	24h	- UBCK: SCMS - VNX: CIMS	HCNS <i>HR&Admin</i>
7	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm Người nội bộ, nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ <i>The company replaces, appoints, re-appoints, or dismisses an internal person, receives resignation letters from the internal person.</i>	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i>	24h	- UBCK: SCMS - VNX: CIMS	HCNS <i>HR&Admin</i>
8	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét.	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i>	24h	- UBCK: SCMS - VNX: CIMS	Kế toán <i>Accounting Dept</i>

	<i>Decisions to buy or sell assets or conduct any transaction whose value exceeds 15% of total asset of the company according to the latest audited annual financial statements or latest reviewed half-year financial statements. If the public company is a parent company, the consolidated financial statements shall be used;</i>					
9	Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty; <i>The company receives a decision on prosecution, detention or criminal prosecution against an internal person of the company;</i>	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i>	24h		- UBCK: SCMS - VNX: CIMS	HCNS <i>HR&Admin</i>
10	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; <i>Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế; Effective court judgments or decisions on the company's operation; decisions on imposition of penalties for tax offences;</i>	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i>	24h		- UBCK: SCMS - VNX: CIMS	Kế toán <i>Accounting Dept</i>
11	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp <i>The company receives a notification of receipt of the petition for initiation of enterprise bankruptcy process;</i>	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i>	24h		- UBCK: SCMS - VNX: CIMS	HCNS <i>HR&Admin</i>
12	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty. <i>Other events occurs leading major impact on the production, business and administration of the company.</i>	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i>	24h		- UBCK: SCMS - VNX: CIMS	HCNS <i>HR&Admin</i>
13	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài. <i>Approval or cancellation of listing at a foreign stock exchange.</i>	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i>	24h		- UBCK: SCMS - VNX: CIMS	HCNS <i>HR&Admin</i>
14	Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố. <i>If the audit organization gives qualified opinions or review conclusions on financial statements or the financial statements are given retroactive adjustments.</i>	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i>	CBTT về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định của BCTC, BC ATTC soát xét bán niên và năm. <i>Disclose information about such audit opinions, review conclusions or retroactive adjustments to the financial statements within the time limits prescribed in the audited financial report and the audited report on adequacy ratio as of 30 June and 31 December</i>		- UBCK: SCMS - VNX: CIMS - NFSC: FMSIS	Kế toán <i>Accounting Dept</i>

15	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. <i>After change of the accounting period, the company shall disclose the financial statements for the period between 02 accounting periods, i.e. between the old and new fiscal years, in accordance with corporate accounting laws.</i>	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i>	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới. <i>Within 10 days from the day on which the auditor's report is signed by the audit organization and within 90 days from the beginning of the new fiscal year.</i>	- UBCK: SCMS - VNX: CIMS - NFSC: FMSIS	Kế toán <i>Accounting Dept</i>
16	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ. <i>Decision on increasing or decreasing of charter capital.</i>	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i>	24h	- UBCK: SCMS - VNX: CIMS	HCNS <i>HR&Admin</i>
17	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét. <i>Decision on investment in an organization, project, borrowing, lending or another transaction whose value is at least 10% of total assets of the company according to the latest audited annual financial statements or latest reviewed half-year financial statements.</i>	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i>	24h	- UBCK: SCMS - VNX: CIMS	HCNS <i>HR&Admin</i>
18	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn). <i>Decision on capital contribution worth at least 50% of charter capital of an organization (determined according to the charter capital of that organization before receipt of contributed capital).</i>	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i>	24h	- UBCK: SCMS - VNX: CIMS	HCNS <i>HR&Admin</i>
19	Khí nhận được quyết định của UBCKNN về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với công ty, người hành nghề chứng khoán của công ty; khi Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc của công ty bị thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán <i>The company/branch receives a decision on penalties for administrative violations in the field of securities and securities market faced by the company or securities practitioners of the company; or the practice certificate in securities of the General Director/Deputy General</i>	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i>	24h	- UBCK: SCMS - VNX: CIMS	HCNS <i>HR&Admin</i>

	<i>Director or Director/ Deputy Director of the securities company or the asset management company is revoked;</i>					
20	Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự liên quan đến người hành nghề chứng khoán của công ty, chi nhánh; <i>There is a charge or decision on detention or criminal prosecution against a certified securities professional of the company or branch;</i>	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i>	24h	- UBCK: SCMS - VNX: CIMS	HCNS <i>HR&Admin</i>	
21	Khi nhận được quyết định của UBCKNN về việc đặt công ty vào diện kiểm soát, kiểm soát đặc biệt hoặc đưa ra khỏi diện kiểm soát, kiểm soát đặc biệt; đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động hoặc chấm dứt tình trạng đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động; <i>The company/branch receives a decision on imposing or removing the special control on the company; or a decision on imposing or removing suspension of operation;</i>	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i>	24h	- UBCK: SCMS - VNX: CIMS	HCNS <i>HR&Admin</i>	
22	Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc thành lập, đóng cửa, thay đổi tên, địa điểm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện ở trong nước hoặc nước ngoài; thay đổi nghiệp vụ kinh doanh tại chi nhánh; thành lập công ty con ở nước ngoài; việc đầu tư gián tiếp ra nước ngoài; <i>SSC issues a decision to approve the establishment, closure, change of name or relocation of a branch, transaction office or representative office in Vietnam or a foreign country; changes in business lines of a branch; establishment of an overseas subsidiary; indirect outward investment;</i>	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i>	24h	- UBCK: SCMS - VNX: CIMS	HCNS <i>HR&Admin</i>	
23	Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc thực hiện cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán hoặc cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán; lưu ký chứng khoán; bù trừ và thanh toán chứng khoán; các dịch vụ trên thị trường chứng khoán phái sinh; <i>SSC issues a decision to approve the provision of online</i>	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i>	24h	- UBCK: SCMS - VNX: CIMS	HCNS <i>HR&Admin</i>	

	<i>securities trading services; provision or cooperation with credit institutions granting loans for purchase of securities or securities lending; provision or cooperation with credit institutions in advancing payment for securities; securities depository; clearing and payment for securities; provision of other derivative-related services;</i>					
24	Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về chào bán và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài; SSC issues a decision on offering or listing of securities in a foreign country;	Thông tư 96/2020/TT-BTC Circular 96/2020/TT/BTC	24h	- UBCK: SCMS - VNX: CIMS	HCNS HR&Admin	
25	Khi hoàn tất các giao dịch chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp để trở thành cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ từ 10% trở lên vốn điều lệ đã góp của công ty chứng khoán không phải là công ty đại chúng; các giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp chiếm từ 10% trở lên vốn điều lệ hoặc giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cổ đông, thành viên góp vốn vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 75% vốn điều lệ của công ty quản lý quỹ không phải là công ty đại chúng; Completion of the transfer of shares or stakes to become a shareholder or contributing member holding at least 10% of contributed charter capital of a securities company that is not a public company; transactions that alter the ownership of shares or stakes making up at least 10% of the charter capital, or transactions that fluctuate the ownership ratio of shareholders or contributing members above or below 10%, 25%, 50%, 75% of the charter capital of a fund management company that is not a public company;	Thông tư 96/2020/TT-BTC Circular 96/2020/TT/BTC	24h	- UBCK: SCMS - VNX: CIMS	HCNS HR&Admin	
26	Khi công ty chứng khoán tự nguyện chấm dứt, ngừng cung cấp một trong các sản phẩm, dịch vụ, nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán; The securities company voluntarily terminates or suspends provision of one of securities trading operations, products and services;	Thông tư 96/2020/TT-BTC Circular 96/2020/TT/BTC	24h	- UBCK: SCMS - VNX: CIMS	HCNS HR&Admin	

27	Khi công ty chứng khoán bị sự cố công nghệ thông tin làm ảnh hưởng đến việc thực hiện giao dịch chứng khoán cho khách hàng. <i>The securities company faces an information technology incident that affects the conduct of securities transactions for clients.</i>	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i>	24h	- UBCK: SCMS - VNX: CIMS	IT <i>IT</i>
III	THEO YÊU CẦU/AS REQUIRED				
1	Thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư. <i>The occurrence of events that are harmful to the legal interests of the investors.</i>	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i>	24h	- UBCK: SCMS - VNX: CIMS	Môi giới và Giao dịch <i>Trading Dept</i>
IV	KHÁC/OTHERS				
1	Phương thức giao dịch, đặt lệnh, ký quỹ giao dịch, thời gian thanh toán, phí giao dịch, các dịch vụ cung cấp và danh sách những người hành nghề chứng khoán của công ty. Trường hợp cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ, công ty chứng khoán phải thông báo các điều kiện cung cấp dịch vụ, bao gồm yêu cầu về tỷ lệ ký quỹ, lãi suất vay, thời hạn vay, phương thức thực hiện lệnh gọi ký quỹ bổ sung, danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ. <i>The contents relating the mode of transaction, placement of orders, deposit transaction, payment time, transaction charges, services and the list of the company's securities practitioners.</i> Upon performing deposit transactions, the securities company must notify the conditions for deposit services provision including the deposit ratio, loan interest rates, loan term, mode of making additional deposit orders, and the list of securities for deposit transactions.	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i>		- UBCK: SCMS - VNX: CIMS - Trụ sở chính, các chi nhánh, phòng giao dịch và đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty <i>At head office, branches, offices and Company's website</i>	Môi giới và Giao dịch <i>Trading Dept</i>

2	Bán giải chấp chứng khoán ký quỹ hoặc bán chứng khoán cầm cố <i>Discharge deposited securities or discharge mortgaged securities</i>	Thông tư 96/2020/TT-BTC <i>Circular 96/2020/TT/BTC</i>	- Trước khi thực hiện lệnh bán, thông báo cho khách hàng về việc bán giải chấp chứng khoán hoặc bán chứng khoán cầm cố, đồng thời CBTT trên website công ty (đối với trường hợp bán chứng khoán của khách hàng là người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ). <i>Before implementing the order, notify the clients of the discharge, and disclose information on the website of the company (if the clients are executive officers or relevant persons of them).</i> - Sau khi giao dịch được thực hiện, thông báo về kết quả giao dịch cho khách hàng chậm nhất vào cuối ngày giao dịch. <i>When the transaction completes, notify the clients of the transaction results not later than the end of the transaction date in order for the clients to perform information disclosure as prescribed.</i>	- UBCK: SCMS - VNX: CIMS - Khách hàng	Môi giới và Giao dịch <i>Trading Dept</i>
---	--	---	---	---	---